

11. SƯ PHẠM TIẾNG ANH (English Education)

*Mã ngành: 7140231

***Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135** (Không tính học phần: GDQP - AN 08 tín chỉ, GDTC 03 tín chỉ) trong đó:

- | | |
|--|-------------------|
| - Khối kiến thức đại cương: | 22 tín chỉ |
| - Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | 68 tín chỉ |
| + Khối kiến thức Tiếng: | 48 tín chỉ |
| + Khối kiến thức Ngôn ngữ: | 12 tín chỉ |
| + Khối kiến thức Văn hóa - Văn học: | 08 tín chỉ |
| - Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm: | 38 tín chỉ |
| - Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: | 07 tín chỉ |

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập	Seminar, thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Khối kiến thức đại cương		22					
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	03	32		26		90
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	02	21		18		60
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	02	21		18		60
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	02	21		18		60
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	02	21		18		60
	Tự chọn Ngoại ngữ 1:							
6	Trung Quốc 1	TQ101	03	30	15			75
7	Trung Quốc 2	TQ102	02	20	10			45
8	Trung Quốc 3	TQ103	02	20	10			45
	Tự chọn Ngoại ngữ 2:							
9	Hàn Quốc 1	HQ101	03	30	15			75
10	Hàn Quốc 2	HQ102	02	20	10			45
11	Hàn Quốc 3	HQ103	02	20	10			45
12	Tin học	TH101	02	15			30	45
13	Giáo dục thể chất 1	TC101	01				30	15
14	Giáo dục thể chất 2	TC102	01				30	15
15	Giáo dục thể chất 3	TC103	01				30	15
16	Pháp luật đại cương	PL101	02	15		30		45
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		68					
II.1	Khối kiến thức tiếng		48					

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Luyện âm	ENG 201	02	15	30			45
18	Ngữ pháp thực hành	ENG202	02	15	30			45
19	Nghe - Nói 1	ENG203	03	30	30			75
20	Đọc - Viết 1	ENG204	03	30	30			75
21	Nghe - Nói 2	ENG205	03	30	30			75
22	Đọc - Viết 2	ENG206	03	30	30			75
23	Nghe - Nói 3	ENG207	03	30	30			75
24	Đọc - Viết 3	ENG208	03	30	30			75
25	Nghe - Nói 4	ENG209	03	30	30			75
26	Đọc - Viết 4	ENG210	03	30	30			75
27	Nghe - Nói 5	ENG211	03	30	30			75
28	Đọc - Viết 5	ENG212	03	30	30			75
29	Nghe - Đọc 6	ENG213	03	30	30			75
30	Nói - Viết 6	ENG214	03	30	30			75
31	Nghe - Đọc 7	ENG215	03	30	30			75
32	Nói - Viết 7	ENG216	03	30	30			75
33	Viết Khoa học	ENG217	02	15	30			45
II.2	Khối kiến thức ngôn ngữ		12					
	Bắt buộc		08					
34	Tiếng Việt thực hành	VH102	02	15	30			45
35	Ngữ pháp học	ENG218	02	15	30			45
36	Từ vựng - ngữ nghĩa học	ENG219	02	15	30			45
37	Ngữ âm - Âm vị học	ENG220	02	15	30			45
	Tự chọn: chọn 2 trong số các học phần sau:		04					
38	Ngữ dụng học	ENG221	02	15	30			45
39	Phân tích diễn ngôn	ENG222	02					
40	Ngôn ngữ học đối chiếu	ENG223	02	15	30			45
II.3	Khối kiến thức Văn hóa - Văn học		08					
	Bắt buộc		06					
41	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH201	02	15	30			45
42	Văn hóa Anh - Mỹ	ENG224	02	15	30			45
43	Văn học Anh - Mỹ	ENG225	02	15	30			45
	Tự chọn: chọn 01 trong số các học phần sau:		02					
44	Ngôn ngữ và văn hóa	ENG226	02	15	30			45
45	Giao tiếp liên văn hóa	ENG227	02	15	30			45
46	Kỹ năng thế kỉ 21	ENG228	02	15	30			45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
III	Khối kiến thức nghiệp vụ		38					
	Bắt buộc		34					
47	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	02	15		30		45
48	Tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi (Tâm lý học 2)	TL502	02	15		30		45
49	Những vấn đề chung về giáo dục (Giáo dục học 1)	GD501	02	15		30		45
50	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường THPT (Giáo dục học 2)	GD502	02	15		30		30
51	Lý luận và hệ thống phương pháp dạy học môn tiếng Anh	ELT301	02	15	30			45
52	Kỹ thuật dạy thành tố và kỹ năng ngôn ngữ	ELT302	03	30	30			75
53	Thực hành sư phạm 1	ELT303	03 TL:1 ELT: 2				90	45
54	Công nghệ Thông tin và truyền thông trong học và dạy ngoại ngữ (CALL - Computer - Assisted - Language - Learning)	ELT304	02	15	30			45
55	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	ELT305	02	15	30			45
56	Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh	ELT306	02	15	30			45
57	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh	ENG101	02	15	30			45
58	Thực hành sư phạm 2	ELT307	03 TL:1 ELT: 2				90	45
59	Thực tập sư phạm 1	ELT308	03				135	
60	Thực tập sư phạm 2	ELT309	04				180	
	Tự chọn: chọn 02 trong số các học phần sau:		04					
61	Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT	TL503	02	15			30	45
62	Tham vấn học đường	TL504	02	15			30	45
63	Giao tiếp sư phạm	TL505	02	15			30	45
64	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD503	02	15		15	15	45
65	Phương pháp học tập nghiên cứu của sinh viên	GD504	02	15		15	15	45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
66	Tâm lý học giới tính	TL506	02	15		15	15	45
67	Dạy tiếng Anh cho trẻ em	ELT310	02	15	30			45
68	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn tiếng Anh cho học sinh THPT	ELT311	02	15	30			45
69	Kỹ năng thuyết trình	ELT312	02	15	30			45
70	Rèn luyện NVSP thường xuyên	SP101	02	15	30			45
IV	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		07					
	Khóa luận tốt nghiệp	ELT401	07					315
	Các học phần thay thế KLTN		07					
71	Ngôn ngữ học xã hội	ENG402	03	30	30			75
72	Phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh	ELT403	04	45	30			105
	Tổng cộng		135					